

Bản án số: 200/2024/DS-PT

Ngày: 20/6/2024.

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thị Kim Liên

*Các Thẩm phán:* ông Nguyễn Tân Long

ông Võ Ngọc Thông

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** ông Trần Việt Tuấn- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2024/TLPT-DS ngày 18/3/2024 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1103/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** ông Lương Văn B - sinh năm 1952; hộ chiếu số: 583656193; địa chỉ cư trú tại nước ngoài: C Osage D, CA 93.906, USA (Hoa Kỳ).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* ông Huỳnh Hoài N - sinh năm 1973; địa chỉ: số C đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền được T3 tại S, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 22/12/2022). Có mặt.

**2. Bị đơn:** ông Huỳnh Trung H - sinh năm 1977; hộ chiếu số: 045853269 và bà Huỳnh Thị Mỹ T - sinh năm 1979; hộ chiếu số: 045853270; cùng địa chỉ cư trú tại: G Delaware Ave #A A, NY A, USA (Hoa Kỳ).

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* ông Trương Hùng T1 - sinh năm 1985; địa chỉ: số F đường T, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền được Công chứng viên bang N chứng nhận ngày 21/10/2023). Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Lương Thị N1 - sinh năm 1956; địa chỉ: số A đường A, tổ A phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**4. Người kháng cáo:** bị đơn ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Hoài N trình bày:*

Cha mẹ của ông Lương Văn B là ông Lương Văn Ô (sinh năm 1915, chết năm 1991) và bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1922, chết năm 2013). Sinh thời, cha mẹ ông Ba s được 03 người con, gồm: ông Lương Văn B - sinh năm 1952, bà Lương Thị T2 - sinh năm 1955, chết năm 2007 và bà Lương Thị N1 - sinh năm 1956.

Ngoài ra, ông Ô và bà S không có con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác. Ông bà nội, ông bà ngoại đã chết trước cha mẹ rất lâu, trước giải phóng.

Năm 2004, gia đình bị giải toả được Nhà nước bố trí tái định cư cho bà S lô đất tại tổ C phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số C7. Sau khi được bố trí đất tái định cư, ông B nộp toàn bộ tiền sử dụng đất và xây nhà. Hiện thửa đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 do UBND quận S cấp ngày 29/12/2005 đứng tên người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị S.

Đề phòng bất trắc xảy ra, bà S đã lập di chúc tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 2427, quyền số HV34/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2003 để lại toàn bộ di sản cho ông B. Tuy nhiên, phần xây dựng trên đất chưa được đưa vào di chúc nên ông B có nguyện vọng:

- Đối với phần di sản theo di chúc: ông B yêu cầu được nhận thừa kế là toàn bộ quyền sử dụng đất tại tổ C phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số C7 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 do UBND quận S cấp cho bà Nguyễn Thị S ngày 29/12/2005 theo di chúc bà Nguyễn Thị S lập tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng, số công chứng 2427, quyền số HV34/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2003.

- Đối với phần di sản không có trong di chúc gồm ngôi nhà 03 tầng đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật. Theo đó, ông B đề nghị được nhận nhà và thối trả cho các đồng thừa kế.

Thực tế, toàn bộ phần xây dựng do ông B bỏ tiền ra xây, nhưng chưa thể hiện trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đối với giá trị tài sản được xác định trong chứng thư thẩm định giá số 231407770/ĐNG của Công ty cổ phần G ông B không có ý kiến gì.

\* *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông Trương Hùng T1 trình bày:*

Bị đơn đồng ý với nội dung ông B cung cấp về việc bà S có chồng là ông Lương Văn Ô (sinh năm 1915, chết năm 1991) và có ba người con đẻ, gồm: ông Lương Văn B (sinh năm 1952); bà Lương Thị T2 (sinh năm 1955, chết năm 2007) có chồng nhưng đã ly hôn, có 02 con là: Huỳnh Trung H và Huỳnh Thị Mỹ T; bà Lương Thị N1 (sinh năm 1956). Cha mẹ của bà S đều đã chết trước bà S, ngoài ra không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T là cháu ngoại của bà S. Bà T2 là mẹ ruột của ông H, bà T. Do đó, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ cậu - cháu. Bị đơn thống nhất với nội dung Giấy trích lục khai tử do ông B cung cấp.

Ông B xác định: thửa đất số 193, tờ bản đồ số C7 (trước đây là thửa đất số L-11, tờ bản đồ KT01/1), diện tích 76,5m<sup>2</sup> và ngôi nhà có diện tích sử dụng 148,5m<sup>2</sup>, số tầng: 2, địa chỉ tại tổ C phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị S, đã được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 040587 ngày 07/4/2003 và cấp đổi lần 2 để cập nhật tài sản trên đất thành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 ngày 29/12/2005. Ông T2 đồng ý với ý kiến này của ông B.

Về Di chúc do bà S lập ngày 28/02/2003 tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng: di chúc được xác lập không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về công chứng. Cụ thể:

Thứ nhất: tại thời điểm xác lập di chúc, bà S chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản tại địa chỉ tổ C phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Theo quy định của pháp luật đất đai có hiệu lực tại thời điểm này quy định "Người sử dụng đất khi thực hiện các quyền của mình phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp" (theo khoản 1 Điều 3 Nghị định 171999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 về thủ tục chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất). Di chúc mà bà S xác lập ngày 28/02/2003 căn cứ vào Giấy cam kết số .../CK-SDĐ ngày 25/02/2003 của Ban Q để xác định tài sản mà bà S dùng để xác lập Di chúc. Tuy nhiên, đây không phải là giấy tờ thay thế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai. Ban Q không phải là cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất. Như vậy, bà S phải làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định thì mới được thực hiện các quyền của người sử dụng đất.

Luật Đất đai năm 1993 quy định:

"Điều 23: Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau:

3- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định giao đất để sử dụng vào mục đích không phải là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp theo quy định sau đây:

a) Từ 1 ha trở xuống đối với đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp có rừng, đất khu dân cư nông thôn, đất đô thị và từ 2 ha trở xuống đối với đất trồng, đồi núi trọc cho mỗi công trình không thuộc các trường hợp quy định tại mục b khoản 3 Điều này;"

Nghị định 75/1999/NĐ-CP quy định:

"Điều 3. Giấy tờ để thực hiện quyền của người sử dụng đất

1. Người sử dụng đất khi thực hiện các quyền của mình phải có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do T4 trước đây hoặc Tổng cục Địa chính phát hành..."

Thứ hai: theo bản Di chúc ngày 28/02/2003 do ông B cung cấp về việc bà S để lại toàn bộ tài sản cho ông B, công chứng tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng có một số vi phạm về hình thức nên không phải là một di chúc hợp pháp. Cụ thể: đối với văn bản được công chứng có từ hai (02) trang trở lên thì ở mỗi trang phải được đánh số thứ tự, có chữ ký tắt của người yêu cầu công chứng, chứng thực và chữ ký tắt của người thực hiện công chứng, chứng thực (quy định tại Điều 59 Nghị định 75/2000/NĐ-CP). Tuy nhiên, di chúc công chứng số 2427, quyền số HV34 TP/CC-SCC/HĐGD có hai (02) trang nhưng lại không được đánh số thứ tự, ở trang đầu tiên không có dấu điểm chỉ được thay thế cho chữ ký tắt của bà Nguyễn Thị S và chữ ký của người thực hiện công chứng. Căn cứ quy định của pháp luật thì di chúc công chứng số 2427, quyền số HV34 TP/CC-SCC/HĐGD đã không tuân theo quy định về hình thức của một bản di chúc hợp pháp.

Do đó, Di chúc bà S xác lập ngày 28/02/2003 tại Văn phòng C1 vi phạm về nội dung và hình thức nên không phải là một di chúc hợp pháp. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Về phần ngôi nhà trên đất: ngôi nhà hai tầng được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 182546 ngày 29/12/2005, căn nhà này đã được xây dựng mới thành căn nhà ba tầng có đặc điểm phù hợp với Biên bản xem xét tại chỗ và Chứng thư thẩm định giá. Theo chứng thư thẩm định giá thì căn nhà này có giá trị là 1.070.400.000đồng, đất đang tranh chấp có giá trị 5.095.960.000đồng, tổng cộng là 6.166.360.000đồng. Đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ di sản trên. Ông H, bà T yêu cầu được nhận nhà, đất và đồng ý thôi trả cho ông B số tiền tương ứng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt giấy tờ ra nước ngoài cho bị đơn ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T theo địa chỉ A A Colonie C, NY 12205 USA do ông B cung cấp. Tuy nhiên, địa

chỉ này không phải là địa chỉ cư trú của bị đơn. Đến ngày 21/10/2023 thì bị đơn mới thực hiện việc ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trương Hùng T1.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N1 trình bày:*

Về hàng thừa kế: bà xác nhận cha mẹ bà là ông Lương Văn Ô (sinh năm 1915, chết năm 1991) và bà Nguyễn Thị S (sinh năm 1922, chết năm 2013) có 03 người con là: ông Lương Văn B (Ký), bà Lương Thị T2 và bà. Bà T2 đã ly hôn và đã chết, bà T2 có hai người con ở Mỹ là Huỳnh Trung H và Huỳnh Thị Mỹ T. Ngoài ra, cha mẹ bà không có con nuôi hay con riêng nào khác. Ông bà nội, ngoại đã chết quá lâu, trước giải phóng.

Về phân chia di sản: gia đình bị giải toả, được Nhà nước bố trí tái định cư, ông B là người bỏ tiền ra để nộp tiền đất cho Nhà nước và bỏ tiền ra xây dựng nhà, không ai đóng góp gì, chỉ có tiền của một mình ông B. Nhà, đất hiện nay tại tổ C phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thửa đất số 193, tờ bản đồ số C7 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 do UBND quận S cấp.

Bà thống nhất để di sản này cho ông B và ông B thôi trả tiền cho các kỹ phần thừa kế còn lại. Tuy nhiên, hiện bà đã sống ổn định, có nhà riêng và cũng không đóng góp gì cho việc tôn tạo di sản nên bà không có ý định nhận phần thừa kế của cha mẹ mà để toàn bộ cho ông B toàn quyền định đoạt.

Ngày 05/12/2023, bà Lương Thị N1 có đơn gửi đến Tòa án thay đổi ý kiến: đề nghị được nhận kỹ phần thừa kế mẹ chết để lại; xin nhận hiện vật là nhà, đất và thôi trả cho các đồng thừa kế khác. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông B.

Đối với chứng thư thẩm định giá số 231407770/ĐNG của Công ty cổ phần G bà không có ý kiến gì.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:***

Áp dụng khoản 3 Điều 3 của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; khoản 2 Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 8 của Luật Nhà ở; Điều 623, Điều 626, Điều 630, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 7 Điều 27, điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn B về yêu cầu chia di sản thừa kế.

Tuyên xử:

1. Giao toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ số I đường P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng thửa đất số 193,

tờ bản đồ số C7, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 do UBND quận S cấp ngày 29/12/2005 cho ông Lương Văn B sở hữu.

(Qua xem xét thực tế, công trình xây dựng trên đất thay đổi so với Giấy chứng nhận. Hiện nay, là nhà 03 (ba) tầng, trong đó tầng 03 (ba) là phần xây dựng thêm chưa được cập nhập trong Giấy chứng nhận).

2. Ông Lương Văn B có nghĩa vụ thôi trả cho bà Lương Thị N1 số tiền là: 356.800.000đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng); thôi trả cho các đồng thừa kế của bà Lương Thị T2 là ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T số tiền là: 356.800.000đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).

3. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thôi trả, ông Lương Văn B tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý biên động/cấp mới về quyền sở hữu đối với nhà và đất nêu trên trong Giấy chứng nhận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, trách nhiệm thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/01/2024, bị đơn ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn B.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Hoài N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn - ông Trương Hùng T1 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn B là đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: trên cơ sở đơn xin mua đất ở được duyệt ngày 13/12/1997, Ban Quản lý dự án công trình đường B đã bàn giao lô đất vào ngày 28/02/1998 và đã lập thủ tục chuyển quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị S đối với lô đất số hiệu L-11, tờ bản đồ KT01/1, diện tích 76,50m<sup>2</sup>, loại đường 5,5m, đơn giá 1.000.000đồng/m<sup>2</sup> vào ngày 25/02/2003. Ngày 26/02/2003, bà S đã nộp tiền chuyển quyền sử dụng lô đất là 87.692.800đồng.

Như vậy, bà S là người nhận chuyển quyền sử dụng đất, nhận bàn giao đất và là người trực tiếp nộp tiền. Giao dịch này được thực hiện sau thời điểm ông Lương Văn Ô (là chồng bà S) chết. Ngày 07/4/2003, bà S được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 040587. Sau đó, bà S đề nghị cấp đổi, bổ sung tài sản vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên và được UBND quận S cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 ngày 29/12/2005, thửa đất số 193, tờ bản đồ C7. Do đó, có cơ sở xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với lô đất có số hiệu L-11, tờ bản đồ KT01/1 tại khu dân cư A, phường A, quận S (nay là thửa đất số 193, tờ bản đồ C7 tọa lạc tại số I đường P, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng) là tài sản riêng của bà S. Không có căn cứ để xác định đây là tài sản chung của bà Nguyễn Thị S và ông Lương Văn Ô.

[2] Ngày 28/02/2003, bà S lập di chúc tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng để lại toàn bộ quyền sử dụng lô đất có số hiệu L-11 cho ông Lương Văn B. Xét giá trị pháp lý của di chúc, Hội đồng xét xử thấy rằng: mặc dù tại thời điểm bà S lập di chúc, lô đất nói trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà S đã nộp đủ tiền nhận chuyển quyền sử dụng đất, đã được Ban Quản lý dự án công trình đường B bàn giao đất. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao trong trường hợp quyền sử dụng đất chưa được cấp Giấy chứng nhận thì vẫn được xác định là di sản thừa kế nếu đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Trên thực tế, sau khi lập di chúc, ngày 07/4/2003, bà S được UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, việc bà S lập di chúc là phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai. Tại công văn số 200/CC1 ngày 09/10/2023 của Phòng C, Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng đã cung cấp bản sao toàn bộ hồ sơ lưu trữ di chúc số công chứng 2427 quyền số HV3-4/CC-SCC/HĐGD ngày 28/02/2003. Theo đó, di chúc được lập tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng có hai người làm chứng nên di chúc hợp pháp theo quy định tại Điều 630 của Bộ luật Dân sự. Án sơ thẩm công nhận di chúc do bà S lập ngày 28/02/2003 được chứng nhận tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật nên quyền sử dụng đất tại thửa đất số 193, tờ bản đồ số C7 thuộc người hưởng di sản là ông Lương Văn B là đúng. Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng di chúc không phù hợp quy định của pháp luật về đất đai và quy định của pháp luật về công chứng, là không đúng. Tuy nhiên, án sơ thẩm không tuyên công nhận di chúc này là hợp pháp là có sai sót, cấp phúc thẩm thấy cần phải điều chỉnh lại.

[3] Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm tổng đạt tài liệu và các văn bản tố tụng sai địa chỉ của bị đơn tại Hoa Kỳ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: bị đơn biết được ông B khởi kiện nên ngày 21/10/2023 đã lập văn bản uỷ quyền cho ông Trương Hùng T1. Phiên toà sơ thẩm ngày 07/12/2023, ông T1 có mặt và đã thực

hiện đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó, nội dung kháng cáo này không được chấp nhận.

[4] Về hàng thừa kế: bà S có chồng là ông Lương Văn Ô. Ông Ô chết năm 1991, bà S chết năm 2013. Ông Ô và bà S có 03 người con: ông Lương Văn B, bà Lương Thị T2 và bà Lương Thị N1. Bà Lương Thị T2 chết năm 2007 và có 02 con: ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T. Vì vậy, hàng thừa kế thứ nhất của bà S gồm: ông Lương Văn B, bà Lương Thị N1 và người thừa kế thế vị của bà Lương Thị T2 là ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T.

[5] Về di sản và phân chia di sản thừa kế: theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2023 thì công trình xây dựng trên đất là nhà 03 tầng, trong đó tầng 03 là phần xây dựng thêm chưa được ghi nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn và bị đơn đều không xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc đóng góp xây dựng ngôi nhà nói trên nên Toà án cấp sơ thẩm xác định đây là di sản thừa kế do bà S để lại nhưng không được ghi nhận trong di chúc là có cơ sở. Theo kết quả của chứng thư thẩm định giá thì công trình xây dựng trên đất có giá trị 1.070.400.000đồng nên mỗi kỹ phần thừa kế được nhận tương ứng với số tiền 356.800.000đồng (1.070.400.000đồng : 3). Ông B được nhận thừa kế theo di chúc gồm toàn bộ quyền sử dụng đất và được chia 1/3 giá trị nhà nên cần giao toàn bộ ngôi nhà và đất cho ông B sở hữu, sử dụng, đồng thời ông B có trách nhiệm thối trả lại kỹ phần thừa kế cho các đồng thừa kế khác là phù hợp.

[6] Phiên toà phúc thẩm mở ngày 24/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị N1 có văn bản từ chối nhận kỹ phần thừa kế của mẹ bà và tự nguyện tặng kỹ phần thừa kế cho ông B. Xét bà N1 không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung đơn mà các bên đương sự vẫn có quyền tự thoả thuận, giải quyết ở giai đoạn thi hành án.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn B là có căn cứ. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí: do nội dung kháng cáo của ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T không được chấp nhận nên ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.



*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2023/DS-ST ngày 07/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng khoản 3 Điều 3 của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; khoản 2 Điều 186 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 8 của Luật Nhà ở; Điều 623, Điều 626, Điều 630, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn B về yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật.

1. Công nhận di chúc do bà Nguyễn Thị S lập ngày 28/02/2003 tại Phòng C, thành phố Đà Nẵng là di chúc hợp pháp.

2. Giao cho ông Lương Văn B được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 193, tờ bản đồ số C7 toạ lạc tại số I đường P, tổ C, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng, được UBND quận S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 182546 ngày 29/12/2005.

3. Ông Lương Văn B có nghĩa vụ bồi trả cho bà Lương Thị N1 số tiền là: 356.800.000đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng), bồi trả cho ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T số tiền là: 356.800.000đồng (ba trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Ông Lương Văn B được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được chỉnh lý biến động, cấp Giấy chứng nhận về quyền sở hữu, sử dụng.

5. Về án phí phúc thẩm: ông Huỳnh Trung H và bà Huỳnh Thị Mỹ T mỗi người phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001384 và số 0001383 ngày 07/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

6. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Thị Kim Liên**